|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Description: ngan | **QUY ƯỚC ĐẶT TÊN CHƯƠNG TRÌNH**  **MARKETING** | Số: …………………..  Phiên bản: 1.0  Ngày hiệu lực: 1/5/2015 |

1. **MỤC ĐÍCH:**
   * Đánh giá hiệu quả hoạt động của từng chương trình marketing một cách hiệu quả
   * Thống nhất việc hệ thống hóa các chương trình Marketing giữa các phòng ban
2. **PHẠM VI ÁP DỤNG:**

Quy định tên chương trình marketing được áp dụng cho các nhãn hàng/đơn vị kinh doanh và các Phòng nghiệp vụ liên quan.

1. **QUY ƯỚC TÊN CÁC CHƯƠNG TRÌNH DO CÔNG TY QUẢN LÝ**

Code cho các chương trình marketing gồm 12 kí tự với quy ước như sau

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Code offer | Ký hiệu nhãn | ký hiệu Cost Center | Ký hiệu Chương trình | Năm | Số tự do |
| Số kí tự | 1 | 3 | 2 | 2 | 4 |

1. Kí hiệu nhãn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Kí hiệu nhãn** | **Nhãn** |
| 1 | S | TFS |
| 2 | V | VDL |
| 3 | F | SHOE |
| 4 | H | SPA |

1. Kí hiệu cost center

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Kí hiệu Cost center** | **Cost center** |
| 1 | PRO | PROMOTION |
| 2 | CRM | CRM |
| 3 | PRE | PR & Event |

1. Kí hiệu chương trình
   1. Chương trình cho hệ thống shop

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Quy mô** | **Loại chương trình** | **Code** | **Tên chương trình** |
| 1 | 1. Toàn hệ thống | 1. Đặc biệt | SS | Chương trình Spring Sale |
| 2 | MD | Chương trình Member Day |
| 3 | SD | Chương trình Saving Day |
| 4 | YE | Chương trình Year End |
| 5 | OT | Chương trình cho các chiến dịch lớn khác (VD: Top Girl) |
| 6 | 2. Định kỳ | MP | Chương trình hàng tháng (Khuyến mãi, PR (đối tác, báo chí), chăm sóc khách hàng (điểm tích lũy, tặng điểm, cross sales, link sales)) |
| 7 | SP | Chương trình cho các ngày lễ đặc biệt trong năm (Valentine 14/2, Woman day 8/3, Mother day, Vietnamese woman 20/10) |
| 8 | 3. Đột xuất | NP | Chương trình cho sản phẩm mới (New product) |
| 9 | CD | Chương trình hỗ trợ clear hàng date, push sales |
| 10 | 4. Phân hạng khách hàng | BD | Sinh nhật Khách hàng hàng tháng không phân biệt hạng |
| 11 | BP | Chương trình sinh nhật cho Khách hàng Platinum |
| 12 | BG | Chương trình sinh nhật cho khách hàng Gold |
| 13 | BS | Chương trình sinh nhật cho khách hàng Silver |
| 14 | BB | Chương trình sinh nhật cho khách hàng Bronze |
| 15 | NM | Chương trình cho khách hàng mới (new member) |
| 16 | ND | Khuyến khích khách hàng mua hàng để tiếp tục giữ phân hạng (Nearly Downgrade) |
| 17 | NI | Khuyến khích Khách hàng mua hàng để giảm thiểu Inactive (Nearly Inactive) |
| 18 | IR | Thu hút Khách hàng Inactive quay lại mua hàng (Inactive return) |
| 19 | ST | Khuyến khích KH mua hàng để được lên phân hạng cao hơn (Stimulation) |
| 20 | 2. Cửa hàng | 1. Định kỳ | CS | Chương trình đồng hành cùng các TTTM/ Siêu thị (Center support) |
| 21 | OP | Chương trình khai trương cửa hàng mới |
| 22 | 2. Đột xuất | SU | Chương trình hỗ trợ cửa hàng (Shop support) |
| 23 | PP | Chương trình liên kết với đối tác (không phải TTM & Siêu thị) (Partner Program) |

*Ghi chú: Đây là các chương trình hiện tại, khi có thêm các chương trình sẽ cập nhật theo yêu cầu*

1. Chương trình bên ngoài hệ thống shop do công ty quản lý : PS (Private sales)
2. Chương trình xây dựng cho kênh đại lý: DP (Distributor programs)
3. Kí hiệu năm: 2 kí tự số
4. Số tự do: gồm 4 ký tự số chạy theo thứ tự tăng dần
5. **QUY ƯỚC TÊN CÁC CHƯƠNG TRÌNH DO TTTM QUẢN LÝ:**

Code cho các chương trình marketing gồm 12 kí tự với quy ước như sau

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Code offer | Ký hiệu nhãn | ký hiệu Cost Center | Ký hiệu Chương trình | Năm | Số tự do |
| Số kí tự | 1 | 3 | 2 | 2 | 4 |
| Quy ước | Tương tự III.1 | PPC | TM | Tương tự III.4 | Tương tự III.5 |

1. **THI HÀNH:**
   * Phòng Hành chính – Nhân sự có trách nhiệm triển khai quy ước này đến Quản lý các Nhãn hàng/Đơn vị kinh doanh/Phòng Marketing và các Phòng nghiệp vụ/Bộ phận có liên quan để thực hiện.
   * Quản lý các Nhãn hàng/Đơn vị kinh doanh/Phòng Marketing và các Phòng nghiệp vụ/Bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực thi quy định.
   * Quy định tên chương trình marketing có hiệu lực từ ngày 1/5/2015 và thay thế những quy ước có cùng nội dung đã ban hành trước đây.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận**:   * + *Quản lý các Nhãn hàng/Đơn vị kinh doanh*   + *Phòng Marketing*   + *Phòng Tài chính – Kế toán*   + *Phòng CNTT* * *Bộ phận Phân tích Tài chính* * *Lưu* | **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  **NGUYỄN QUỐC BÌNH** |